

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2022/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

LUẬT

THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (SỬA ĐỔI)

Căn cứ Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi).

Chương I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về đối tượng, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, gia đình người Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thi đua* là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể nhằm phấn đấu đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. *Danh hiệu thi đua* là hình thức ghi nhận, biểu dương, tôn vinh cá nhân, tập thể có thành tích trong phong trào thi đua.

3. *Khen thưởng* là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh công trạng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể có thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. *Thành tích đột xuất* là thành tích lập được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ thường xuyên mà cá nhân, tập thể phải đảm nhiệm hoặc cá nhân, tập thể lập được thành tích vượt trội, tiêu biểu, điển hình, có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, địa phương hoặc toàn quốc.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Trung ương Đảng, các Ban của Đảng và tương đương ở Trung ương, Kiểm toán Nhà nước; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*gọi chung là bộ, ban, ngành, tỉnh*).

Điều 4. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề là khen thưởng cho cá nhân, tập thể đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động trong thời gian cụ thể.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng ngay cho cá nhân, tập thể sau khi lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo quy định.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Điều 5. Mục tiêu thi đua

Mục tiêu của thi đua nhằm tạo động lực động viên, thu hút, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Điều 6. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua gồm:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng gồm:

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;
 - b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;
 - c) Bảo đảm thống nhất giữa thành tích, hình thức và đối tượng khen thưởng;
 - d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.
3. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua gồm:

- a) Danh hiệu thi đua đối với cá nhân;
- b) Danh hiệu thi đua đối với tập thể;
- c) Danh hiệu thi đua đối với gia đình.

2. Các danh hiệu thi đua được xét tặng hàng năm hoặc theo đợt.

Điều 8. Hình thức khen thưởng

Hình thức khen thưởng gồm:

1. Huân chương.
2. Huy chương.
3. Danh hiệu vinh dự nhà nước.
4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.
5. Kỷ niệm chương, Huy hiệu.
6. Bằng khen.
7. Giấy khen.

Điều 9. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Phong trào thi đua.
2. Đăng ký tham gia phong trào thi đua.
3. Thành tích thi đua.
4. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

Điều 10. Căn cứ xét khen thưởng

1. Tiêu chuẩn khen thưởng.
2. Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích.
3. Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, động viên các thành viên của mình và tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên nhân dân thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng;

b) Tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Cơ quan, tổ chức chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm:

a) Tham mưu, đề xuất thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng;

b) Tham mưu phát động thi đua; xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung thi đua;

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng;

d) Tham mưu việc sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, phát hiện các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nêu gương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, góp phần cổ vũ, khích lệ phong trào thi đua.

Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi.

2. Cản trở hoặc ép buộc tham gia các phong trào thi đua.

3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng.

4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật.

5. Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng.

Chương II.

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 13. Hình thức, phạm vi tổ chức thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua gồm:

- a) Thi đua thường xuyên;
- b) Thi đua theo đợt, chuyên đề.

2. Phạm vi thi đua gồm:

- a) Toàn quốc;
- b) Bộ, ban, ngành, tỉnh;
- c) Cụm, Khối thi đua do Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương, bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức;
- d) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, cơ sở.

Điều 14. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

- 1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và tiêu chí, thời gian, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua.
- 2. Phát động, triển khai, thực hiện phong trào thi đua.
- 3. Kiểm tra, giám sát phong trào thi đua.
- 4. Tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến.
- 5. Sơ kết, tổng kết và khen thưởng.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động phong trào thi đua

- 1. Tổ chức phong trào thi đua gắn với lao động, sản xuất, học tập, công tác và chiến đấu.
- 2. Tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm động viên, khích lệ tập thể, cá nhân, hăng hái tham gia thi đua lao động, sản xuất, học tập, công tác, chiến đấu, cần kiệm, sáng tạo, công hiến sức lực, trí tuệ phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- 3. Đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua.
- 4. Phát hiện, tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.
- 5. Thực hiện tốt chính sách khen thưởng nhằm động viên tập thể, cá nhân tích cực thi đua lao động, sản xuất, học tập, công tác và chiến đấu.

Điều 16. Thẩm quyền phát động, chỉ đạo phong trào thi đua

1. Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi cả nước.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Người đứng đầu ban, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong ngành và lĩnh vực do mình phụ trách.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi địa phương.
4. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 17. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.
2. Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh.
3. “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.
4. “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

Điều 18. Danh hiệu thi đua đối với tập thể và gia đình

1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:
 - a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;
 - b) Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;
 - c) “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”;
 - d) “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”;
 - đ) “Xã tiêu biểu”, “Phường, Thị trấn tiêu biểu”;
 - e) “Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu”.
2. Danh hiệu thi đua đối với gia đình là “Gia đình tiêu biểu”.

Điều 19. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh”.
2. Có sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học đã được nghiệm thu áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học do người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, công nhận. Việc công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và phạm vi ảnh hưởng do Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, công nhận.

Điều 20. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Có sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học được nghiệm thu áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả và có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng công an nhân dân.

Sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh do người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, công nhận. Sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và phạm vi ảnh hưởng do Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, công nhận.

Điều 21. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”.

2. Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận.

Điều 22. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” được xét tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này”.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

4. Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

Điều 23. “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, có mô hình mới; hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm, là tập thể tiêu biểu trong số các tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh.

b) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu Cụm, Khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

3. “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động khi sơ kết, tổng kết 05 năm.

Điều 24. Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh

1. Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, được xét tặng hàng năm cho tập thể là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của các cụm, khối thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm, có mô hình mới; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

3. Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể đối tượng, tiêu chí xét tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh.

Điều 25. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể đạt các

tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”.

3. Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”.

Điều 26. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- b) Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” được tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này phải có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

3. Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”.

Điều 27. Danh hiệu “Xã tiêu biểu”, “Phường, Thị trấn tiêu biểu”

1. Danh hiệu “Xã tiêu biểu” để tặng cho xã đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng được giao;
- b) Đạt chuẩn nông thôn mới;
- c) Nâng cao chất lượng xây dựng gia đình tiêu biểu, thôn, làng, ấp, bản tiêu biểu và tương đương (có 60% trở lên gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình tiêu biểu” 03 năm liên tục);

- d) Xây dựng thiết chế và phong trào văn hóa, thể thao cơ sở;
- đ) Xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa nông thôn;
- e) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.

2. Danh hiệu “Phường, Thị trấn tiêu biểu” để tặng cho phường, thị trấn đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng được giao;
- b) Quản lý, xây dựng đô thị theo quy hoạch;
- c) Nâng cao chất lượng xây dựng gia đình tiêu biểu, tổ dân phố tiêu biểu (có 70% trở lên gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình tiêu biểu” 03 năm liên tục);
- d) Xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa đô thị;
- đ) Xây dựng thiết chế và phong trào văn hóa, thể thao cơ sở;
- e) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.

Điều 28. Danh hiệu “thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu”

Danh hiệu “thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu” được xét tặng cho thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
2. Đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.
3. Đời sống kinh tế của nhân dân ổn định và phát triển.
4. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú.
5. Môi trường cảnh quan sạch đẹp.
6. Trật tự, an toàn - xã hội được giữ vững.

Điều 29. Danh hiệu “Gia đình tiêu biểu”

Danh hiệu “Gia đình tiêu biểu” được xét tặng cho gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương nơi cư trú.
2. Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ; thường xuyên, sẵn sàng tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.
3. Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Điều 30. Các danh hiệu thi đua khác

1. Danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua của tổ chức chính trị, tổ chức

chính trị - xã hội, tổ chức xã hội do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định.

2. Danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể, những người đang học tập tại nhà trường, cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp luật về giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc bộ, ngành, tổ chức quản lý nhà trường, cơ sở giáo dục quy định.

3. Việc quy định các danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua tại các khoản 1 và khoản 2 của Điều này phải được sự thống nhất của cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Mục 1.

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

HUÂN CHƯƠNG

Điều 31. Huân chương

Huân chương gồm:

1. “Huân chương Sao vàng”.
2. “Huân chương Hồ Chí Minh”.
3. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba.
4. “Huân chương Quân công” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba.
5. “Huân chương Lao động” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba.
6. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba.
7. “Huân chương Chiến công” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba.
8. “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”.
9. “Huân chương Dũng cảm”.
10. “Huân chương Hữu nghị”.

Điều 32. “Huân chương Sao vàng”

1. “Huân chương Sao vàng” là Huân chương cao quý nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. “Huân chương Sao vàng” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của

Đảng, của dân tộc;

b) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc đối với đất nước ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

3. “Huân chương Sao vàng” để tặng cho bộ, ban, ngành, tỉnh, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh”, 25 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

Tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ hai thì thời gian và tiêu chuẩn để đề nghị tặng thưởng Huân chương Sao vàng được tính từ khi được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh lần thứ hai;

b) Có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh.

4. “Huân chương Sao vàng” để tặng cho Nguyên thủ quốc gia nước ngoài có công lao to lớn đối với đất nước Việt Nam.

5. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Sao vàng” cho cá nhân có quá trình cống hiến.

Điều 33. “Huân chương Hồ Chí Minh”

1. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công lao to lớn, có nhiều thành tích xuất sắc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng cho bộ, ban, ngành, tỉnh, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Nhất hoặc “Huân chương Quân công” hạng Nhất và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

b) Có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh.

3. Tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ nhất và 15 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh thì được xét tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ hai. Trong thời gian đó,

nếu đã được tặng Huân chương Độc lập hoặc Huân chương Quân công thì thời gian đề nghị tặng Huân chương Hồ Chí Minh (lần thứ 2) là 10 năm kể từ ngày được tặng Huân chương Độc lập hoặc Huân chương Quân công.

4. “Huân chương Hồ Chí Minh” đề tặng cho cá nhân người nước ngoài có công lao đối với đất nước Việt Nam.

5. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” cho cá nhân có quá trình công hiến.

Điều 34. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất

1. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất đề tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình công hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể và lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất đề tặng cho Bộ, ban, ngành, tỉnh lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh.

3. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất đề tặng cho tập thể trực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Nhì và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh;

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 40 năm trở lên.

4. Cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

5. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Nhất cho cá nhân có quá trình công hiến.

Điều 35. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì

1. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì đề tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình công hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể và lập được thành tích đặc biệt xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng cho Bộ, ban, ngành, tỉnh lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh.

3. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng cho tập thể thuộc bộ, ngành, tỉnh đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Ba và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 01 lần được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh và 01 lần được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh;

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 35 năm trở lên.

4. Cá nhân, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

5. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Nhì cho cá nhân có quá trình cống hiến.

Điều 36. “Huân chương Độc lập” hạng Ba

1. “Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể và lập được nhiều thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng cho bộ, ban, ngành, tỉnh lập được nhiều thành tích xuất sắc, có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh.

3. “Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhất, 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh;

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

4. Cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam, bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

5. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Ba cho cá nhân có quá trình cống hiến.

Điều 37. “Huân chương Quân công” hạng Nhất

1. “Huân chương Quân công” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được Nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quốc.

2. “Huân chương Quân công” hạng Nhất để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Quân công” hạng Nhì và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh;

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 40 năm trở lên.

5. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Quân công” hạng Nhất cho cá nhân có quá trình cống hiến trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 38. “Huân chương Quân công” hạng Nhì

1. “Huân chương Quân công” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được Nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân.

2. “Huân chương Quân công” hạng Nhì để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Quân công” hạng Ba và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 01 lần được tặng Bằng khen của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng

Cờ thi đua của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng và 01 lần được tặng Bằng khen của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh;

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 35 năm trở lên.

3. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Quân công” hạng Nhì cho cá nhân có quá trình cống hiến trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 39. “Huân chương Quân công” hạng Ba

1. “Huân chương Quân công” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được Nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương.

2. “Huân chương Quân công” hạng Ba để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất và 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh;

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

3. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Quân công hạng Ba” cho cá nhân có quá trình cống hiến trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 40. “Huân chương Lao động” hạng Nhất

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc được giải thưởng cao của thế giới;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước;

d) Có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 04 sáng kiến mang lại giá trị cao được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có 03 sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trong phạm vi bộ, ban, ngành, tỉnh mang lại lợi ích giá trị cao hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 05 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho nhiều lao động được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 04 lần được tặng “Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh”.

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động trong phạm vi cả nước;

c) Lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc.

4. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

5. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhất cho cá nhân có quá trình cống hiến và tiêu chuẩn khen thưởng cho một số đối tượng khác.

Điều 41. “Huân chương Lao động” hạng Nhì

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà

nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 02 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh”;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc được giải thưởng cao nhất ở khu vực;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

d) Có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 03 sáng kiến mang lại giá trị cao được cấp bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có 02 sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trên phạm vi bộ, ban, ngành, tỉnh mang lại lợi ích giá trị cao hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 04 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động, được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Có nhiều thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động trong phạm vi cả nước;

c) Lập được nhiều thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh.

4. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

5. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì cho cá nhân có quá trình cống hiến và tiêu chuẩn khen thưởng cho một số đối tượng khác.

Điều 42. “Huân chương Lao động” hạng Ba

1. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 01 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh”;

b) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động từ 05 năm trở lên;

c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc được giải thưởng cao ở khu vực;

d) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

đ) Có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c và điểm d khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 02 sáng kiến mang lại hiệu quả cao trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh và được cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc bộ, ngành, tỉnh công nhận, có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trên phạm vi bộ, ngành, tỉnh hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 03 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động, được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp

bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh và 01 Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, trong thời gian đó có 03 lần được tặng Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động; hoặc bộ, ban, ngành, tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 05 năm trở lên hoặc chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng Nhà nước.

c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh;

4. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

5. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba cho cá nhân có quá trình cống hiến và tiêu chuẩn khen thưởng cho một số đối tượng khác.

Điều 43. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất

1. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có thành tích trong huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

2. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó đã được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm đặc biệt xuất sắc cấp nhà nước về quốc phòng, an ninh được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận;

c) Có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân.

3. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an công nhận;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì và 05

năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an.

4. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất cho cá nhân có quá trình cống hiến trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 44. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì

1. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 02 lần được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ;

b) Có thành tích xuất sắc hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc cấp nhà nước về quốc phòng, an ninh được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận;

c) Có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân.

2. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân, được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an công nhận;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an, hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an.

3. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì cho cá nhân có quá trình cống hiến trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 45. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba

1. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm

tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 01 lần được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ;

b) Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc cấp bộ, ngành, tỉnh về quốc phòng, an ninh, được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận;

c) Có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân.

2. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba để tặng cho cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an công nhận;

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua và 01 lần được Bằng khen của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 03 lần được tặng Bằng khen của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an.

3. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba cho cá nhân có quá trình cống hiến trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 46. “Huân chương Chiến công” hạng Nhất

1. “Huân chương Chiến công” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Mưu trí, sáng tạo, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc không sợ hy sinh tính mạng, kiên quyết đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

2. “Huân chương Chiến công” hạng Nhất để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

Điều 47. “Huân chương Chiến công” hạng Nhì

1. “Huân chương Chiến công” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong bộ, ban, ngành, tỉnh được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Chủ động, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong bộ, ban, ngành, tỉnh, được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

2. “Huân chương Chiến công” hạng Nhì để tặng cho tập thể, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong bộ, ban, ngành, tỉnh được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong bộ, ban, ngành, tỉnh được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

Điều 48. “Huân chương Chiến công” hạng Ba

1. “Huân chương Chiến công” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và

tương đương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

2. “Huân chương Chiến công” hạng Ba để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

b) Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

Điều 49. “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”

“Huân chương Đại đoàn kết dân tộc” để tặng hoặc truy tặng cho nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo và cá nhân, có công lao to lớn, thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Điều 50. “Huân chương Dũng cảm”

“Huân chương Dũng cảm” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có hành động dũng cảm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân khi gặp hỏa hoạn, thiên tai, tai nạn, thảm họa; dũng cảm bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của công dân trước tội phạm hoặc dũng cảm xung phong vào những nơi nguy hiểm do dịch bệnh gây ra nhằm bảo vệ tính mạng của nhân dân; thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong phạm vi bộ, ban, ngành, tỉnh.

2. Đã hy sinh anh dũng trong khi cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân, được nhân dân kính phục, nêu gương, học tập.

Điều 51. “Huân chương Hữu nghị”

1. “Huân chương Hữu nghị” tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài, tặng

cho tập thể người nước ngoài có những đóng góp to lớn trong xây dựng, củng cố và phát triển tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có tinh thần đoàn kết hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán Việt Nam;

b) Có đóng góp to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước trước đây và công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của Việt Nam ngày nay; được bộ, ban, ngành, cơ quan trung ương các đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công nhận, đề nghị;

c) Có đóng góp tích cực vào việc xây dựng, củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác tốt đẹp và toàn diện giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức nước ngoài.

2. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng tặng thưởng “Huân chương Hữu nghị”.

Mục 2.

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG HUY CHƯƠNG

Điều 52. Huy chương

1. Huy chương để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân có thời gian cống hiến, đóng góp và người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

2. Huy chương gồm:

- a) “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”;
- b) “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”;
- c) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
- d) “Huy chương Hữu nghị”.

3. Hình thức các loại, hạng huy chương được phân biệt bằng màu sắc, số vạch trên dải và cuống huy chương.

Điều 53. “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”

“Huy chương Quân kỳ quyết thắng” để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, có quá trình cống hiến liên tục từ

25 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 54. “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”

“Huy chương Vì an ninh Tổ quốc” để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân, có quá trình cống hiến liên tục từ 25 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 55. “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang”

1. “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân, có thành tích, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

2. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến liên tục từ 20 năm trở lên;

b) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến liên tục từ 15 năm đến dưới 20 năm;

c) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến liên tục từ 10 năm đến dưới 15 năm.

3. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có thời gian làm nhiệm vụ ở vùng biển, đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc làm nhiệm vụ quốc tế do Chính phủ quy định.

Điều 56. “Huy chương Hữu nghị”

1. “Huy chương Hữu nghị” để tặng cho người nước ngoài có nhiều đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có tinh thần đoàn kết hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán Việt Nam;

b) Có đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của Việt Nam được bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương các đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công nhận, đề nghị;

c) Có đóng góp trong việc xây dựng, củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác tốt đẹp và toàn diện giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế.

2. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng tặng thưởng Huy chương Hữu nghị.

Mục 3.

DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC

Điều 57. Danh hiệu vinh dự Nhà nước

1. Danh hiệu vinh dự Nhà nước để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có những đóng góp đặc biệt xuất sắc vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Danh hiệu vinh dự Nhà nước gồm:

- a) “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”;
- b) “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”;
- c) “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”;
- d) “Anh hùng Lao động”;
- đ) “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”;
- e) “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”;
- g) “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;
- h) “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

Điều 58. Danh hiệu “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”

Danh hiệu “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng” để tặng cho tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích đặc biệt xuất sắc và toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Năng động, sáng tạo, là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, là động lực thúc đẩy sự phát triển của khu vực và cả nước trong công cuộc đổi mới đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể đoàn kết, tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh.

Điều 59. Danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”

Danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” để tặng hoặc truy tặng cho những Bà mẹ có nhiều công hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

Việc xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 60. Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”

1. Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có hành động anh hùng, dũng cảm, mưu trí, hy sinh quên mình, đạt được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, huấn luyện, phục vụ chiến đấu, trong giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, được nêu gương trong toàn quốc;

b) Có sáng kiến, giải pháp hoặc công trình nghiên cứu có giá trị đặc biệt được ứng dụng vào thực tiễn hoạt động quân sự, an ninh hoặc kinh tế - xã hội đem lại hiệu quả thiết thực trong toàn quốc;

c) Có trình độ kỹ thuật, chiến thuật giỏi, chuyên môn, nghiệp vụ thành thạo; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ; có công lớn trong việc bồi dưỡng về kỹ thuật, chiến thuật, chuyên môn, nghiệp vụ cho đồng đội;

d) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác, là tấm gương mẫu mực về mọi mặt.

2. Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Dũng cảm, mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, là ngọn cờ tiêu biểu trong phong trào thi đua, có nhiều đóng góp vào sự phát triển của ngành;

c) Dẫn đầu toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân trong phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ huy, lập nhiều thành tích trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới phục vụ chiến đấu, huấn luyện và công tác;

d) Dẫn đầu trong việc bồi dưỡng, đào tạo về kỹ thuật, chiến thuật, về chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị cho cán bộ, chiến sỹ; quản lý tốt vũ khí và cơ sở vật chất kỹ thuật, an toàn tuyệt đối về người và tài sản;

đ) Dẫn đầu trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu chấp hành kỷ luật, điều lệnh, điều lệ của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; nêu cao tinh thần đoàn kết nội bộ, hợp tác, giúp đỡ và đoàn kết quân dân, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sỹ;

e) Tích cực tham gia các phong trào ở địa phương, được nhân dân địa phương tin yêu, là tấm gương mẫu mực về mọi mặt; tổ chức Đảng được công

nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh.

Điều 61. Danh hiệu “Anh hùng Lao động”

1. Danh hiệu “Anh hùng Lao động” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có tinh thần lao động sáng tạo, đạt năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả, lập được thành tích đặc biệt xuất sắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

b) Đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đơn vị, địa phương, ngành và đất nước trong thời gian từ 10 năm trở lên, được tập thể suy tôn;

c) Có nhiều thành tích trong công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, có sáng kiến, giải pháp, công trình nghiên cứu khoa học, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị đặc biệt mang lại hiệu quả cao trong phạm vi toàn quốc;

d) Có công lớn trong việc bồi dưỡng, đào tạo cho đồng nghiệp và thế hệ trẻ, trong việc hướng dẫn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh;

đ) Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực, vượt khó, tận tụy với công việc; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt.

2. Danh hiệu “Anh hùng Lao động” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Là tập thể tiêu biểu dẫn đầu toàn quốc về năng suất, chất lượng, hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành và đất nước trong thời gian từ 10 năm trở lên;

c) Dẫn đầu toàn quốc trong việc đổi mới công nghệ, có nhiều thành tích trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, trong phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và bảo vệ môi trường sinh thái;

d) Dẫn đầu trong việc đào tạo, bồi dưỡng trình độ về mọi mặt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; là điển hình về công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để các tập thể khác noi theo;

đ) Dẫn đầu trong việc triển khai và thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm tốt quyền lợi của người lao động, quản lý tốt nguồn vốn, tài sản, bảo đảm tuyệt đối an toàn về người và tài sản;

e) Tích cực tham gia các phong trào ở địa phương; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt được nhân dân địa phương ca ngợi; tập thể đoàn kết, nhất trí; tổ chức Đảng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đoàn thể vững mạnh.

Điều 62. Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”

1. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” gồm nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

2. Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được phong tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” từ 06 năm trở lên và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, thương yêu học trò, có tài năng sư phạm xuất sắc, có công lớn trong sự nghiệp giáo dục, có ảnh hưởng rộng rãi trong ngành và trong xã hội, được học trò, đồng nghiệp và nhân dân kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 20 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý giáo dục thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 25 năm trở lên trong đó có 15 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

3. Danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, thương yêu học trò, có tài năng sư phạm, có công trong sự nghiệp giáo dục, được học trò, đồng nghiệp và nhân dân kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 15 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý giáo dục thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên trong đó có 10 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

4. Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” được xét và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”.

Điều 63. Danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”

1. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” gồm bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên, lương y, lương dược và cán bộ quản lý y tế.

2. Danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” từ 06 năm trở lên và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, có tài năng và có nhiều thành tích xuất sắc trong phòng bệnh, chữa bệnh, phát triển khoa học kỹ thuật về y tế, có nhiều công hiến cho sự nghiệp bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, có ảnh hưởng rộng rãi trong nhân dân, được người bệnh và đồng nghiệp tin cậy, kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật trong ngành từ 20 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý y tế thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 25 năm trở lên trong đó có 15 năm trở lên trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật.

3. Danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, có tài năng, có nhiều thành tích xuất sắc trong nghề, được nhân dân, người bệnh và đồng nghiệp tín nhiệm;

c) Có thời gian trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật trong ngành từ 15 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý y tế thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên trong đó có 10 năm trở lên trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật.

4. Danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” được xét và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam 27 tháng 2.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

Điều 64. Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”

1. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” gồm diễn viên, đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật, chỉ huy dàn nhạc, biên đạo, quay phim, họa sĩ hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

2. Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” từ 06 năm trở lên và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, có nhiều công hiến cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ;

c) Có thời gian hoạt động nghệ thuật từ 20 năm trở lên, riêng đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa từ 15 năm trở lên; được tặng giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước;

d) Sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tiếp tục được tặng

giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước.

3. Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật, có tinh thần phục vụ nhân dân, được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ;

c) Có thời gian hoạt động nghệ thuật từ 15 năm trở lên, riêng đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa từ 10 năm trở lên; được tặng giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước.

4. Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” được xét và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

Điều 65. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”

1. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

2. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” được xét tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đã được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” từ 06 năm trở lên và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc; có thời gian hoạt động trong nghề từ 20 năm trở lên;

c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;

d) Được đồng nghiệp, quần chúng mến mộ, kính trọng; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong cả nước.

3. Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc; có thời gian hoạt động trong nghề từ 15 năm trở lên;

c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

d) Được đồng nghiệp, quần chúng mến mộ; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương.

4. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” được xét và công

bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

Mục 4.

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG “GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH”, “GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC”

Điều 66. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”

1. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” để tặng hoặc truy tặng cho tác giả của một hoặc nhiều công trình, tác phẩm đã được công bố, sử dụng kể từ ngày thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), ngày 02 tháng 9 năm 1945, bao gồm:

a) Công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, sách giáo khoa, giáo trình sử dụng trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác;

b) Tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình nghiên cứu lý luận phê bình dưới các hình thức xuất bản, kiến trúc, triển lãm, sân khấu, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, giảng dạy, đĩa hát hoặc các hình thức khác.

2. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” được tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài có tác phẩm, công trình nghiên cứu về Việt Nam.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.

Điều 67. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”

1. “Giải thưởng Hồ Chí Minh” được xét tặng hoặc truy tặng cho tác giả của một hoặc nhiều tác phẩm, công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục và văn học, nghệ thuật đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đặc biệt xuất sắc;

b) Có giá trị rất cao về khoa học, văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng;

c) Có tác dụng lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng, có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài trong đời sống nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển nền kinh tế quốc dân, khoa học, công nghệ, giáo dục, văn học, nghệ thuật.

2. “Giải thưởng Hồ Chí Minh” được xét và công bố 05 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2 tháng 9.

Điều 68. “Giải thưởng Nhà nước”

1. “Giải thưởng Nhà nước” được tặng hoặc truy tặng cho tác giả của một hoặc nhiều công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục, những tác

phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về khoa học, văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng, có tác dụng và ảnh hưởng lớn trong xã hội theo tiêu chuẩn sau:

a) Các công trình nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ xuất sắc, có tác dụng nâng cao năng suất lao động, đem lại hiệu quả kinh tế, góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội;

b) Những sách giáo khoa, giáo trình có giá trị xuất sắc và được sử dụng rộng rãi trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, có tác dụng tốt trong việc giáo dục, xây dựng con người mới, nâng cao trình độ thẩm mỹ của nhân dân, góp phần đáng kể vào sự phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam.

2. “Giải thưởng Nhà nước” được xét và công bố 05 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2 tháng 9.

Mục 5.

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG KỶ NIỆM CHƯƠNG, HUY HIỆU

Điều 69. Kỷ niệm chương

Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

Tên Kỷ niệm chương, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương do bộ, ban, ngành, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội quy định. Kỷ niệm chương phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương.

Điều 70. Huy hiệu

Huy hiệu để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tên Huy hiệu, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Huy hiệu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Huy hiệu phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương.

Mục 6.**HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG
BẰNG KHEN, GIẤY KHEN****Điều 71. Bằng khen**

Bằng khen gồm:

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.
2. Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh.

Điều 72. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Đã được tặng “Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh” và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

c) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc được giải thưởng ở khu vực;

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực, ngành nghề;

b) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong Cụm, Khối thi đua do Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương tổ chức;

c) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi

đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động hoặc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên hoặc chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng Nhà nước;

d) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 02 lần được tặng “Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh”.

4. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

5. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận, đề nghị.

6. Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân, gia đình.

Điều 73. Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh

1. Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

2. “Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

3. “Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh” để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

4. Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn tặng thưởng “Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh” đối với cá nhân, gia đình.

Điều 74. Hình thức khen thưởng của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh

Việc khen thưởng bằng hình thức bằng khen, giấy khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định.

Điều 75. Giấy khen

1. Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã;

c) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

đ) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định tiêu chuẩn cụ thể tặng Giấy khen đối với cá nhân, tập thể, gia đình.

3. Việc khen thưởng bằng hình thức Giấy khen đối với cá nhân, tập thể người đang học tập tại nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Chương IV.**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC,
HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG****Mục 1.****THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG****Điều 76. Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch nước**

Chủ tịch nước quyết định tặng Huân chương, Huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu vinh dự Nhà nước.

Điều 77. Thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Chính phủ quyết định tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

Điều 78. Thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, “Kỷ niệm chương”, “Huy hiệu”.

2. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể không có tư cách pháp nhân do Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, ban, ngành, đoàn thể công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

3. Thẩm quyền công nhận danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc” trong Quân đội nhân dân do Chính phủ quy định.

Điều 79. Thẩm quyền của cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành, tỉnh; thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ban, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”,

“Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và Giấy khen.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu “thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu”; “Xã tiêu biểu”, “Phường, thị trấn tiêu biểu”.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, Giấy khen đối với cán bộ, công chức, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã và công nhận danh hiệu “Gia đình tiêu biểu”.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và Giấy khen.

Điều 80. Thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với các hình thức khen thưởng khác

Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể thực hiện các hình thức động viên đối với cá nhân, tập thể có thành tích để kịp thời nêu gương trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật này quy định.

Điều 81. Thẩm quyền trao tặng

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua trực tiếp trao tặng hoặc uỷ quyền trao tặng.

2. Đại sứ hoặc người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được uỷ quyền trao tặng các hình thức khen thưởng của Nhà nước Việt Nam cho tập thể, cá nhân ở nước sở tại.

Điều 82. Nghi lễ trao tặng

Việc tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do Chính phủ quy định.

Mục 2.**THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ****Điều 83. Thẩm quyền đề nghị khen thưởng**

1. Danh hiệu thi đua được bình xét và đề nghị từ đơn vị cơ sở thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã. Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu vinh dự Nhà nước.

Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội trình khen thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước cho đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Chính phủ quyết định tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”; đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

4. Người đứng đầu có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng; đánh giá thành tích và chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng của cấp mình và việc trình cấp trên khen thưởng.

5. Cơ quan chuyên trách về thi đua, khen thưởng tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng.

Điều 84. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Hồ sơ xét danh hiệu thi đua gồm:

- a) Tờ trình đề nghị tặng danh hiệu thi đua;
- b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể;
- c) Biên bản bình xét thi đua;

d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng;
- b) Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể được đề nghị khen thưởng;
- c) Biên bản xét khen thưởng;

d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền về phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả đối với phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo.

3. Trường hợp đề nghị tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” phải có ý kiến hiệp ý của cơ quan, tổ chức ở trung ương có liên quan hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng có trách nhiệm công khai tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước và Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước.

5. Hồ sơ xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được lưu trữ theo quy định của pháp luật. Hồ sơ bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, số lượng 01 bộ bản chính và được lưu trữ tại cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương; 01 bộ lưu trữ tại **cấp bộ, tỉnh**; đối với các đơn vị trực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh do bộ, ban, ngành, tỉnh quy định.

6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện việc áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa về quản lý công tác thi đua, khen thưởng.

7. Chính phủ quy định thủ tục, quy trình, thời gian xét đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; thủ tục, hồ sơ tặng Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng của Việt Nam cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài.

Điều 85. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Những trường hợp sau đây được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

- a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;

b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập, có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản hoặc được giải thưởng ở khu vực hoặc thế giới;

c) Khen thưởng do người đứng đầu cơ quan, đơn vị phát hiện;

d) Khen thưởng cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại;

đ) Khen thưởng thành tích có nội dung bí mật nhà nước.

2. Chính phủ quy định việc khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Chương V.

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA

CÁ NHÂN, TẬP THỂ TRONG THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 86. Quyền của cá nhân, tập thể

1. Cá nhân, tập thể được tham gia các phong trào thi đua, được khen thưởng kèm theo hiện vật khen thưởng và hưởng lợi ích khác theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng.

Tập thể được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày, sử dụng biểu tượng của các hiện vật khen thưởng đó trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

Điều 87. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

2. Phát huy thành tích đã đạt được, tuyên truyền phổ biến kinh nghiệm; bảo quản, lưu giữ các hiện vật khen thưởng.

Chương VI.

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 88. Nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng

1. Ban hành các văn bản pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Xây dựng chính sách về thi đua, khen thưởng.

3. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định

của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng.
5. Sơ kết, tổng kết, tặng thưởng các hình thức khen thưởng; đánh giá hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.
6. Hợp tác quốc tế về thi đua, khen thưởng.
7. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng.
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.
9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng và trong hệ thống thi đua, khen thưởng.

Điều 89. Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước.

Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trong phạm vi địa phương mình theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Điều 90. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Đảng và Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương gồm Chủ tịch Hội đồng là Thủ tướng Chính phủ, các Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác là đại diện lãnh đạo cơ quan của Đảng, Nhà nước, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội.

Chủ tịch Hội đồng quyết định cụ thể thành viên Hội đồng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện sự phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể trung ương và các địa phương trong việc tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách về tổ chức phong trào thi đua và công tác

thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước;

b) Tham mưu, tư vấn cho cấp có thẩm quyền quyết định phong tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng;

c) Định kỳ đánh giá phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kiến nghị, đề xuất chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; tham mưu tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; đề xuất sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách về thi đua, khen thưởng; kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng.

4. Cơ quan chuyên trách thi đua, khen thưởng ở Trung ương là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

5. Hội đồng Thi đua -Khen thưởng các cấp và Hội đồng Thi đua -Khen thưởng tại cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về công tác thi đua, khen thưởng.

6. Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Điều 91. Quản lý thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quản lý thi đua, khen thưởng trong phạm vi ngành.

Điều 92. Quản lý thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội căn cứ vào quy định của Luật này và các văn bản khác có liên quan thực hiện quản lý thi đua, khen thưởng trong phạm vi tổ chức mình.

Điều 93. Quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành trên cơ sở ngân sách nhà nước, sự đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, cá nhân, tổ chức nước ngoài và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Chính phủ quy định việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 94. Hiện vật khen thưởng

Chính phủ quy định mẫu, màu sắc, số sao, số vạch cho từng loại, hạng huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; chất liệu, kích thước, khung các loại huân chương, huy chương, cờ thi đua, bằng khen, giấy khen và các hiện vật khen thưởng khác, thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng;

Chương VII.

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 95. Xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng

1. Người nào có một trong các hành vi sau đây thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật:

- a) Gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng;
- b) Xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho mình hoặc cho người khác để đề nghị khen thưởng;
- c) Thẩm định, xét, duyệt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không đúng quy định;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật.

2. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước mà bị tòa án tuyên có tội và bản án đã có hiệu lực pháp luật từ hình phạt tù có thời hạn trở lên thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

3. Tổ chức là pháp nhân thương mại được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước nếu vi phạm pháp luật hình sự, bị tòa án tuyên hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

4. Cá nhân, tổ chức là pháp nhân thương mại bị xét xử oan, sai và đã được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì được xem xét phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước.

5. Chính phủ quy định thủ tục hủy bỏ quyết định khen thưởng, tước, phục hồi danh hiệu vinh dự nhà nước và thu hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, hiện vật và tiền thưởng.

Điều 96. Khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Tổ chức có quyền khiếu nại về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VIII.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 97. Bảo hộ các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Nhà nước bảo hộ các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đã được Nhà nước tặng hoặc truy tặng trước khi Luật này có hiệu lực.

Điều 98. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân người Việt Nam khi nhận các hình thức khen thưởng của nước ngoài

Tổ chức, cá nhân người Việt Nam khi nhận các hình thức khen thưởng của nước ngoài phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đồng ý hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 99. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng.....năm 2022.
2. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.
3. Nhà nước tiếp tục xem xét và thực hiện việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến cho những cá nhân, gia đình, địa phương và cơ sở có công lao, thành tích.

Chính phủ hướng dẫn thể thức và thời hạn kết thúc việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày tháng năm 2022.